

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16-12-2020

V/v: Xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng Ân;

2. Ông Danh Minh Hòa

Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2020/QĐXX-ST ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đinh Thị Th**, sinh năm 1970

Địa chỉ: ấp H, xã Th, huyện Ch, tỉnh K.

(BàTh có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Ông **Dương Văn Ng**, sinh năm 1960

Địa chỉ: ấp H, xã Th, huyện Ch, tỉnh K.

(Ông Ng vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13-10-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đinh Thị Th trình bày: Vào năm 1989, bà và ông Dương Văn Ng cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Cuộc sống chung vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng Su đó thời gian thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình và cách sống. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Nay bà xét thấy không còn tình cảm với ông Ng nữa nên bà quyết định ly hôn với ông Dương Văn Ng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông Ng có 02 người con chung tên Dương Văn T, sinh ngày 26-12-1990 và Dương Hoàng S, sinh ngày 17-02-2000 hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng bà không có tạo lập được tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn về phần nợ thì vợ chồng cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Đinh Thị Th yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với ông Dương Văn Ng.
- Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16-10-2020 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 07-12-2020 bị đơn ông Dương Văn Ng trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Th về hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng.

Nay bà Th yêu cầu xin ly hôn thì ông có ý kiến như Sau:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với bà Đinh Thị Th
- Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông Ng vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Su khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Su khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 13-10-2020 bà Đinh Thị Th có đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Dương Văn Ng. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Dương Văn Ng có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa nguyên đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Đinh Thị Th và ông Dương Văn Ng chung sống với nhau vào năm 1989 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý”.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”

Do đó không công nhận bà Đinh Thị Th và ông Dương Văn Ng là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con chung*: Bà Đinh Thị Th và ông Dương Văn Ng đều xác nhận trong thời gian chung sống ông, bà có 02 người con chung tên Dương Văn T, sinh ngày 26-12-1990 và Dương Hoàng S, sinh ngày 17-02-2000 hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Bà Đinh Thị Th và ông Dương Văn Ng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[5] *Về nợ chung*: Bà Đinh Thị Th và ông Dương Văn Ng cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức th, miễn, giảm, th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Đinh Thị Th là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức th, miễn, giảm, th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Đinh Thị Th và ông Dương Văn Ng.

2. Về con chung: Bà Đinh Thị Th và ông Dương Văn Ng xác nhận hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà Đinh Thị Th và ông Dương Văn Ng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Đinh Thị Th và ông Dương Văn Ng xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Đinh Thị Th phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng bà Đinh Thị Th được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0006671 ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K; bà Th không phải nộp thêm.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Quyền kháng cáo: Bà Đinh Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Dương Văn Ng vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhân:

- Các đ- ong sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng

